

Bản án số: 148 /2020/ DS-ST
Ngày: 11 - 9 - 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**
2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1948
Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: 1/ Ông **Ngô Văn S**, sinh năm 1972.
2/ Bà **Lê Hà P**, sinh năm 1973
Cùng Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C1, tỉnh Tiền Giang

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Thị H1**, sinh năm 1961
Địa chỉ: Số 24, Phường D, thành phố T, tỉnh Tiền Giang
(Bà N, bà Hoàng có mặt, ông S, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Phạm Thị N** tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải trình bày: Ngày 18/9/2019 bà **Lê Hà P** có vay bà 1.700.000.000 đồng, thời gian vay từ

ngày 18/9/2019 đến 20/11/2019 trả, lãi suất 1%/tháng. Mục đích vay để thanh toán tiền vay ngân hàng của ông Ngô Văn S và bà Lê Hà P. Theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền thì bà P phải trả đủ số tiền vay tuy nhiên bà chỉ trả được 200.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi. Bà P xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 15/02/2020 tuy nhiên không trả đến nay. Bà N yêu cầu ông S, bà P trả bà 1.500.000.000đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 20/11/2019 đến nay theo lãi suất do pháp luật qui định.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà P, ông S trả 1.500.000.000đồng tiền vốn và trả lãi từ ngày 15/02/2020, lãi suất theo qui định pháp luật 10%/ năm. Vốn lãi trả 01 lần cho bà.

- Bị đơn bà Lê Hà P tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải trình bày: Trước đây bà kinh doanh lúa gạo tại Bà Đắc, do làm ăn thua lỗ bà có vay nợ ngân hàng, khi đến hạn trả nợ ngân hàng. Được sự giới thiệu của bà H1 bà đến gặp bà N vay 1.700.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó ngân hàng không cho vay lại nên bà không có tiền trả bà N. Ngày 20/11/2019 bà có trả bà N được 200.000.000đồng tiền vốn và 20.000.000đồng tiền lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, bà đồng ý trả bà N 1.500.000.000đồng, đồng ý trả lãi nhưng xin được giảm lãi, trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng. đối với ông S là chồng bà có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ thời gian, ông S biết việc bà kinh doanh nhưng không tham gia.

- Bị đơn ông Ngô Văn S dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H1 tại tờ tự khai và tại phiên tòa trình bày: Sáng ngày 18/9/2019 bà N có đưa cho bà 1.700.000.000đồng để chiều ngày 18/9/2019 cùng bà Lê Hà P đến Ngân hàng Viettinbank ở T để bà P trả tiền vay ngân hàng. Sau đó bà P hẹn bà và bà N ngày 19/9/2019 đến Ngân hàng Viettinbank ở C2 để trả 1.700.000.000đồng cho bà N nhưng khi đến ngân hàng thì bà P chỉ đưa bà N 10.000.000đồng rồi hẹn ngày 03/10/2019 trả đủ, đến ngày 03/10/2019 bà P đưa thêm 10.000.000đồng và hẹn ngày 20/11/2019 trả tiền. Đến ngày 20/11/2019 bà P trả cho bà N 200.000.000đồng rồi hẹn lại 01 tuần trả đủ tiền nếu không sẽ sang đất của hộ gia đình cho bà N, nhưng sau đó bà không thực hiện.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, điều 463, 468, 470 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền vay 1.5000.000.000đồng từ ngày 15/02/2020, lãi suất là 10%/ năm. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận. Đối với bị đơn ông Ngô Văn S, bà Lê Hà P dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, kèm theo đơn khởi kiện của mình bà N có cung cấp chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền ngày 18/9/2019 do bà P viết và ký tên. Trong biên nhận thể hiện bà P vay bà N 1.700.000.000đồng nhằm mục đích trả nợ ngân hàng, bà P cam kết thời hạn trả tiền là ngày 20/11/2019. Tuy nhiên sau khi vay tiền xong bà P chỉ trả được cho bà N 200.000.000đồng vốn vào ngày 20/11/2019, số tiền vốn 1.500.000.000đồng đến nay vẫn chưa thanh toán được dù bà N đã nhiều lần liên lạc dẫn đến quyền, lợi ích bà bị xâm phạm nên mới khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà P, ông S hoàn trả số tiền vay. Đối với bà Lê Hà P cũng thừa nhận vay bà N 1.700.000.000đồng để đáo hạn Ngân hàng, hiện mới trả được 200.000.000đồng. Bà cho rằng đây là nợ của cá nhân bà, bà đồng ý trả bà N 1.500.000.000đồng vốn nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng và xin giảm bớt lãi. Đối với ông S từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay dù nhận đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đây là ông tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích của mình nên có thiệt thòi gì thì ông tự gánh chịu. Đồng thời qua xem xét các tài liệu, chứng cứ, cũng như lời trình bày của bà P Hội đồng xét xử thấy rằng dù ông S không cùng bà P vay tiền của bà N nhưng mục đích vay tiền này là để giải quyết số nợ chung của ông S, bà P tại ngân hàng và số nợ trên cũng nhằm phục vụ cho đời sống chung của vợ chồng, bà P cũng xác định bà và ông S hiện là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nên số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó việc bà N yêu cầu cả ông S, bà P cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, bà N yêu cầu ông S, bà P trả lãi cho số tiền 1.500.000.000đồng tính từ ngày 15/02/2020 đến ngày xét xử, lãi suất theo qui định pháp luật là 10%/năm. Xét thấy trong giấy biên nhận mượn tiền ngày 18/9/2019 không thể hiện lãi suất cho vay hay cam kết trả lãi chỉ thể hiện thời gian trả nợ. Do đó khi đến hạn trả nợ phía bị đơn không thực hiện được nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi là có cơ sở chấp nhận. Lãi suất được tính theo qui định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

* Lãi suất cụ thể phải trả được tính như sau:

Từ ngày 15/02/2020 đến ngày xét xử là 210 ngày. Số tiền lãi phải trả là: $(1.500.000.000\text{đồng} \times 10\% \times 210\text{ ngày}) / 365\text{ ngày} = 86.301.000\text{ đồng}$ (tính tròn).

[4] Về án phí: Ông S, bà P phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết 01/ 2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Buộc bà Lê Hà P và ông Ngô Văn S phải trả cho bà Phạm Thị N số tiền vốn là 1.500.000.000đồng và 86.301.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.586.301.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Hà P, ông Ngô Văn S phải chịu 59.589.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P, ông S chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với ông S, bà P thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH